

Số: 11/CBTT-VNECO3

Vinh, ngày 15 tháng 08 năm 2023

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội**

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3

Mã chứng khoán : VE3

Trụ sở chính : Khối 3, Phường Trung đô , Thành phố Vinh , Tỉnh Nghệ an

Điện thoại : 038.3855619 – 112 . Fax: 038.3855263

Người thực hiện công bố thông tin : Bùi Đức Long

Nội dung công bố thông tin :

Báo cáo tài chính quý 2 năm 2023 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 được lập ngày 18 tháng 07 năm 2023 bao gồm :

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

Công văn số 09/VNECO3- TCKT và 10/VNECO3- TCKT ngày 15/08/2023 giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế.

Địa chỉ Website đăng tải báo cáo tài chính : vneco3.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố .

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi gửi : *Như trên*

Lưu : *Công ty;*



Bùi Đức Long

Số: 12/ CBTT-VNECO3

Vinh, ngày 15 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO3 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 2/2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO3

- Mã chứng khoán: VE3
- Địa chỉ: Khối 3 – Phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02383 855 619 Fax: 02383 855 263

Email: hdqtvneco3@gmail.com Website: <https://vneco3.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 15/08/2023 tại đường dẫn: <https://vneco3.com.vn>

Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: không có
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*):
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC

- Văn bản giải trình
số: 09/VNECO3-TCKT và
10/VNECO3-TCKT ngày
15/08/2023.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT



Bùi Đức Long



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 41

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2023)
Ông Võ Thành Lương	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2023)
Ông Trương Thường Thịnh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2023)
Bà Võ Hồng Cẩm Tú	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2023)
Ông Bùi Quang Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/05/2023)
Ông Trần Đức Thanh	Thành viên
Ông Đậu Ngọc Thanh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2023)
Bà Trần Thị Lương	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2023)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2023)

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thế Tam	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2023)
Ông Nguyễn Thế Hùng	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2023)
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27/05/2023)
Bà Nguyễn Thị Hồng Vinh	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2023)

Ban Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Đức Thanh	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là Ông Đào Ngọc Quỳnh, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Trần Đức Thanh, Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán -Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc



Trần Đức Thanh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2023

Số: 336/2023/BCSX-E.AFA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2023, từ trang 5 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1334-2023-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.257.159.819	86.812.749.951
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	967.503.345	18.500.519.561
1. Tiền	111		412.503.345	17.945.519.561
2. Các khoản tương đương tiền	112		555.000.000	555.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.585.180.814	43.711.733.957
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	37.557.321.033	31.544.542.817
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	3.656.406.385	5.481.104.511
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	7.093.489.993	8.408.123.226
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(1.722.036.597)	(1.722.036.597)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	29.814.723.225	24.118.984.728
1. Hàng tồn kho	141		29.884.784.087	24.189.045.590
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(70.060.862)	(70.060.862)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		889.752.435	481.511.705
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	53.613.850	51.350.654
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		836.138.585	430.161.051
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.918.228.740	10.394.240.754
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.432.043.075	5.862.759.699
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	5.432.043.075	5.862.759.699
Nguyên giá	222		16.220.697.252	16.220.697.252
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.788.654.177)	(10.357.937.553)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		3.486.000.000	3.486.000.000
1. Nguyên giá	231	4.9	3.486.000.000	3.486.000.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	550.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	4.2	500.000.000	550.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		500.185.665	495.481.055
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	500.185.665	495.481.055
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		88.175.388.559	97.206.990.705

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu B 01a - DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		69.777.630.912	78.412.688.358
I. Nợ ngắn hạn	310		69.004.100.650	77.335.521.448
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	32.461.365.556	37.876.287.246
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	4.399.221.079	4.508.534.239
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	572.033.211	341.655.815
4. Phải trả người lao động	314		350.091.875	1.850.483.118
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	2.162.550.000	5.113.178.616
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	1.537.412.075	867.837.672
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	27.278.237.934	26.407.211.822
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.16	74.950.127	74.950.127
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		168.238.793	295.382.793
II. Nợ dài hạn	330		773.530.262	1.077.166.910
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.11	631.130.250	863.566.898
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	142.400.012	213.600.012
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.397.757.647	18.794.302.347
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	18.397.757.647	18.794.302.347
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.197.100.000	13.197.100.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.197.100.000	13.197.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.860.000	8.860.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.544.508.710	2.544.508.710
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.647.288.937	3.043.833.637
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.043.833.637	3.014.787.340
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(396.544.700)	29.046.297
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		88.175.388.559	97.206.990.705



Trần Đức Thanh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2023

Bùi Đức Long
Kế toán trưởng

Bùi Đức Long
Người lập

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu B 02a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	30.426.341.404	49.276.216.450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.426.341.404	49.276.216.450
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	27.247.868.222	46.070.677.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.178.473.182	3.205.538.668
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	22.194.221	13.599.720
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.373.043.195	931.116.268
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.373.043.195	931.116.268
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	2.034.223.918	1.835.426.256
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(206.599.710)	452.595.864
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	5.6	45.708.743	9.906.174
13. Lợi nhuận khác	40		(45.708.743)	(9.906.174)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(252.308.453)	442.689.690
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	144.236.247	175.848.576
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(396.544.700)	266.841.114
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	(300)	202
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	(300)	202



Trần Đức Thanh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2023

Bùi Đức Long
Kế toán trưởng

Bùi Đức Long
Người lập

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		24.753.128.073	51.495.061.477
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(37.352.221.846)	(50.073.405.920)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.192.921.277)	(6.812.125.500)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.373.043.195)	(940.352.921)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(151.326.342)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.924.532.727	2.818.804.999
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.164.511.031)	(2.640.653.087)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.405.036.549)	(6.303.997.294)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(85.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		50.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.194.221	30.437.018
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		72.194.221	(54.562.982)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	21.890.060.390	13.336.364.643
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(21.090.234.278)	(13.451.137.355)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		799.826.112	(114.772.712)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(17.533.016.216)	(6.473.332.988)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18.500.519.561	8.575.461.950
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		967.503.345	2.102.128.962



Trần Đức Thanh
Giám đốc
Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2023

Bùi Đức Long
Kế toán trưởng

Bùi Đức Long
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 122/2013/QĐ-BCN ngày 11/07/2013 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Sau đó, Công ty được đổi tên thành Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 theo Quyết định số 03QĐ/XLĐ 3.3-HĐQT ngày 20/02/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900576216 ngày 20 tháng 11 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 08 tháng 06 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 13.197.100.000 VND.

Ngày 15 tháng 06 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 514/TB-SGDHN với mã chứng khoán VE3. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội là ngày 30/06/2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 52 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 46 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại. (Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. (Chi tiết: Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. (Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi; - Xây dựng các nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 500 KV);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. (Chi tiết: Xử lý nền móng công trình);
- Lắp đặt hệ thống điện. (Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. (Chi tiết: Lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. (Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. (Chi tiết: Sản xuất cột điện bê tông, cống bê tông ly tâm, cống rung lắc và các sản phẩm từ bê tông);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giả gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

2.3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2023
• Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 50 năm
• Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
• Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
• Thiết bị dụng cụ quản lý	05 – 18 năm

3.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 - 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

3.16. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.17 dưới đây

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.17. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

3.20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí xuất khẩu, chi phí mua công cụ, dụng cụ, các chi phí khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng)...

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Đối với hoạt động xây lắp công trình điện: áp dụng thuế suất 10%;
- Đối với các hoạt động khác: áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động theo 02 bộ phận chính là bộ phận xây lắp và bộ phận sản xuất và dịch vụ trong một bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

Xem thêm mục 7.

3.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		36.855.906		19.107.604
+ VND		36.855.906		19.107.604
Tiền gửi ngân hàng		375.647.439		17.926.411.957
+ VND		353.985.229		17.904.749.747
+ USD	942,04 #	21.662.210	942,04 #	21.662.210
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 1 tháng)		555.000.000		555.000.000
Cộng		967.503.345		18.500.519.561

Toàn bộ các khoản tương đương tiền đang được cầm cố thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh.

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn				
Trái phiếu ngân hàng (*)	500.000.000	500.000.000	550.000.000	550.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	550.000.000	550.000.000

(*) Trái phiếu đang nắm giữ được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được cầm cố cho các khoản vay bao gồm:

+ Giấy chứng nhận số CTG2028T2/01-3575 phát hành ngày 30/07/2020, số lượng 5.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	15.023.487.855	862.523.780
Công ty Cổ phần Tài chính và Phát triển Năng Lượng	6.242.704.701	3.858.193.001
Công ty TNHH MTV điện lực Đà Nẵng	1.952.387.392	11.339.286.879
Công ty Cổ phần Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	3.125.270.607	5.016.546.629
Các đối tượng khác	11.213.470.478	10.467.992.528
Cộng	37.557.321.033	31.544.542.817

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan -
Xem thêm mục 8

15.023.487.855	862.523.780
----------------	-------------

Khoản phải thu với số tiền 7.403.390.025 VND đang được cầm cố thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thành phố Vinh.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng An	1.158.294.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	802.161.649	802.161.649
Công ty TNHH Đồng Vinh Thịnh	513.035.109	513.035.109
Công ty TNHH ĐT XD & TM Thùy Dương	-	1.123.613.226
Công ty TNHH Lĩnh Ngọc	-	847.000.000
Các đối tượng khác	1.182.915.627	2.195.294.527
Cộng	3.656.406.385	5.481.104.511

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan -
xem thêm mục 8

802.161.649	802.161.649
-------------	-------------

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng	5.916.273.360	-	6.838.731.495	-
Phải thu khác	113.558.833	(500.000)	130.392.328	(500.000)
Ký cược, ký quỹ	1.052.136.967	-	1.427.478.570	-
Lãi dự thu	11.520.833	-	11.520.833	-
Cộng	7.093.489.993	(500.000)	8.408.123.226	(500.000)

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.808.221.676	31.428.690	7.268.905.373	31.428.690
Công cụ, dụng cụ	32.418.418	1.878.552	18.488.670	1.878.552
Chi phí SXKD dở dang	23.385.853.719	5.724.243	14.524.942.173	5.724.243
Thành phẩm	3.658.290.274	31.029.377	2.376.709.374	31.029.377
Cộng	<u>29.884.784.087</u>	<u>70.060.862</u>	<u>24.189.045.590</u>	<u>70.060.862</u>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 70.060.862 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 29.884.784.087 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.7. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thành toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.084.896.350	362.859.753	2.134.896.350	412.859.753
Cộng	2.084.896.350	362.859.753	2.134.896.350	412.859.753

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp do không liên lạc được với các đối tượng này.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Việt Á Nghĩa Đoàn	227.472.400	-	Trên 3 năm	227.472.400	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Á	126.816.013	-	Trên 3 năm	126.816.013	-	Trên 3 năm
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	63.045.500	-	Trên 3 năm	63.045.500	-	Trên 3 năm
Lê Tiến Thông - XD Thông Châu Hà Tĩnh	53.772.168	-	Trên 3 năm	53.772.168	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hương Sắc	775.719.507	362.859.753	Từ 1 năm đến 2 năm	825.719.507	412.859.753	Từ 1 năm đến 2 năm
Các đối tượng khác	838.070.762	-		838.070.762	-	
Cộng	2.084.896.350	362.859.753		2.134.896.350	412.859.753	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	4.227.035.569	8.115.797.549	3.753.168.181	124.695.953	16.220.697.252
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	4.227.035.569	8.115.797.549	3.753.168.181	124.695.953	16.220.697.252
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	3.617.779.065	3.983.477.348	2.644.649.076	112.032.064	10.357.937.553
Khấu hao trong kỳ	23.670.304	214.599.695	190.096.625	2.350.000	430.716.624
Tại ngày 30/06/2023	3.641.449.369	4.198.077.043	2.834.745.701	114.382.064	10.788.654.177
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	609.256.504	4.132.320.201	1.108.519.105	12.663.889	5.862.759.699
Tại ngày 30/06/2023	585.586.200	3.917.720.506	918.422.480	10.313.889	5.432.043.075

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp cho các khoản vay là 1.025.753.597 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.107.132.098 VND.

Không có TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá: Quyền sử dụng đất (*)	3.486.000.000	-	-	3.486.000.000
Cộng	3.486.000.000	-	-	3.486.000.000

(*) Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 35 tại xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Nguyễn Văn Tuấn và Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO3. Giá trị chuyển nhượng: 3.486.000.000 VND.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để chờ tăng giá để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Quyền sử dụng đất được cầm cố thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nghệ An.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.10. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	9.779.999	20.413.564
Chi phí bảo hiểm	26.669.627	24.111.455
Chi phí sửa chữa	17.164.224	4.158.967
Chi phí trả trước khác	-	2.666.668
Cộng	53.613.850	51.350.654
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	47.594.833	54.460.646
Chi phí sửa chữa	293.688.224	225.186.633
Chi phí thụ xếp vốn chờ phân bổ	151.418.424	214.406.562
Chi phí trả trước khác	7.484.184	1.427.214
Cộng	500.185.665	495.481.055

4.11. Phải trả người bán

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	475.923.317	475.923.317	497.601.835	497.601.835
Công ty TNHH Nhật Quang Huy	3.838.877.808	3.838.877.808	4.602.405.354	4.602.405.354
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Đà Nẵng	2.968.235.967	2.968.235.967	12.427.150.711	12.427.150.711
Các đối tượng khác	25.178.328.464	25.178.328.464	20.349.129.346	20.349.129.346
Cộng	32.461.365.556	32.461.365.556	37.876.287.246	37.876.287.246
Dài hạn				
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	631.130.250	631.130.250	863.566.898	863.566.898
Cộng	631.130.250	631.130.250	863.566.898	863.566.898
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan - Xem thêm mục 8	1.107.053.567	1.107.053.567	1.361.168.733	1.361.168.733

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ban QLDA Xây dựng Điện miền Bắc - Chi nhánh tổng Công ty Xây dựng điện miền Bắc	4.021.847.910	4.021.847.910
Các đối tượng khác	377.373.169	486.686.329
Cộng	4.399.221.079	4.508.534.239

4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT phải nộp	-	3.143.567.792	3.143.567.792	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	470.117.334	144.236.247	-	325.881.087
Thuế thu nhập cá nhân	17.255.378	5.599.100	4.118.450	15.774.728
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	84.660.499	84.660.499	-	-
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	572.033.211	3.381.063.638	3.150.686.242	341.655.815

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước chi phí kiểm toán	30.000.000	30.000.000
Trích trước CT DZ 110 Kv Đầu nối thủy điện Tr'hy	1.799.550.000	4.891.750.000
Trích trước công trình Diễn Châu - Đô Lương - Thanh Chương - Nghĩa Đàn	333.000.000	157.064.980
Trích trước chi phí khác	-	34.363.636
Cộng	2.162.550.000	5.113.178.616

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.15. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm y tế	119.758.800	64.810.129
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	975.265.259	671.561.052
Các khoản phải trả khác	442.388.016	131.466.491
Cộng	1.537.412.075	867.837.672
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan - xem thêm mục 8	975.265.259	671.561.052

4.16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	74.950.127	74.950.127
Cộng	74.950.127	74.950.127

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh (i)	1.958.056.820	1.958.056.820	2.558.056.820	2.320.740.686	1.720.740.686	1.720.740.686
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP Vinh (ii)	16.265.864.025	16.265.864.025	12.663.949.921	10.564.508.329	14.166.422.433	14.166.422.433
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Nghệ An	-	-	-	1.206.909.177	1.206.909.177	1.206.909.177
Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (iii)	2.479.259.000	2.479.259.000	2.479.259.000	-	-	-
Trần Đức Dũng	-	-	-	1.613.530.216	1.613.530.216	1.613.530.216
Đậu Thị Bích Hằng	1.286.910.274	1.286.910.274	1.967.964.956	1.747.883.449	1.066.828.767	1.066.828.767
Nguyễn Kim Long	204.986.301	204.986.301	207.493.150	110.874.384	108.367.535	108.367.535
Trần Thị Thu Hương	100.000.000	100.000.000	120.000.000	20.000.000	-	-
Trần Mạnh Hùng	-	-	-	645.875.720	645.875.720	645.875.720
Trần Thị Kim Hoa	3.840.761.502	3.840.761.502	1.893.336.543	2.788.712.329	4.736.137.288	4.736.137.288
Vay dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP Vinh (iv)	142.400.012	142.400.012	71.200.000	71.199.988	142.400.000	142.400.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (v)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	27.278.237.934	27.278.237.934	21.961.260.390	21.090.234.278	26.407.211.822	26.407.211.822

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP Vinh (iv)	142.400.012	142.400.012	-	71.200.000	213.600.012	213.600.012
Cộng	142.400.012	142.400.012	-	71.200.000	213.600.012	213.600.012
Tổng cộng	27.420.637.946	27.420.637.946	21.961.260.390	21.161.434.278	26.620.811.834	26.620.811.834
Trong đó: Vay với bên liên quan - Xem thêm mục 8	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.613.530.216	2.613.530.216	2.613.530.216

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh theo hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT442 – VNECO3 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Vinh ngày 15/06/2023; hạn mức 5.000.000.000 VND; Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cột điện, cột, ống bê tông các loại; Lãi suất vay: Theo từng Giấy nhận nợ; Thời hạn vay: đến 15/06/2024; Tài sản đảm bảo theo các hợp đồng.
- Tài sản đảm bảo theo các hợp đồng sau:
 - + Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01-2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017 giữa Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Vinh
 - + Hợp đồng thế chấp Động sản số 01-2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017;
 - + Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 01-2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017;
 - + Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01-2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017;
 - + Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01-2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017;
 - + Hợp đồng thế chấp giấy tờ có giá số 04/2020/HĐBBĐ/NHCT442-VNECO3 ký ngày 25/08/2020;
 - + Hợp đồng thế chấp giấy tờ có giá số 01/2022/HĐBBĐ/NHCT442 ký ngày 10/03/2022;
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/HĐBBĐ/NHCT442 ký ngày 19/4/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh TP Vinh theo hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng tín dụng số 140370.23.812.4530380.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nghệ An ngày 09/06/2023; hạn mức tín dụng 90.000.000.000 VND; Mục đích vay: Phục vụ hoạt động thi công xây lắp điện; Lãi suất vay: Theo từng giấy nhận nợ; Thời hạn vay: đến 08/06/2024.

- Tài sản đảm bảo cho vay được chi tiết như sau:

- + Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD554762 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 25/11/2021;
- + Khoản phải thu hình thành từ Hợp đồng xây lắp số 199/HĐXL/BDAXD-KHVT ngày 28/11/2022 giữa BLQ DA Xây dựng Điện miền Bắc & Liên doanh Công ty CP Xây dựng Hùng An và Công ty CP Xây dựng điện VNECO3;
- + Khoản phải thu hình thành từ Hợp đồng số 27/2022/HĐXL-PCNA-BDA ngày 14/07/2022 giữa Công ty Điện lực Nghệ An – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc & Công ty CP Xây dựng điện VNECO3;
- + Khoản phải thu hình thành từ Hợp đồng số 88/2022/HĐXL/BDAXD-KHVT ngày 31/05/2022 giữa BLQDA Xây dựng Điện miền Bắc & Công ty CP Xây dựng điện VNECO3;
- + Hàng hóa và quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 140386.23.812.4530380.

(iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số NAN-22171 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Nghệ An ngày 17/10/2022; Hạn mức: 30.000.000.000 VND; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay: Theo từng giấy nhận nợ; Thời hạn vay 12 tháng;

- Tài sản đảm bảo cho vay được chi tiết như sau:

- + Quyền đòi nợ theo Hợp đồng xây lắp số 1254/2022/HĐXL-VNECO-KH ngày 28/06/2022 gói thầu số 07, Dự án: Đường dây và Trạm biến áp 100kV Sơn Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP Vinh theo hợp đồng vay sau:
- Hợp đồng tín dụng số 29452.20.812.4530380.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh TP Vinh ngày 26/06/2020: Mục đích vay: Mua xe ô tô Nissan; Lãi suất vay: Theo lãi suất thả nổi, Thời hạn vay: 05 năm; Tài sản đảm bảo theo các hợp đồng: Hợp đồng đảm bảo số 29452.20.812.4530380.BĐ ngày 26/06/2020 là Xe ô tô con nhãn hiệu NISSAN BKS: 37A-694.73.
 - Tài sản đảm bảo cho vay được chi tiết như sau:
 - + Đối với các phương án Khách hàng là nhà thầu chính, chủ đầu tư thuộc nhóm 1/2/3 theo Phụ lục 01 của Hợp đồng này: tỷ lệ tài sản bảo đảm là tiền ký quỹ tại MB, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng được MB chấp thuận phát hành, bất động sản, phương tiện vận tải theo đúng quy định của MB lần lượt là 0%/30%/70%, phần còn lại đảm bảo bằng Hàng hóa, Quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB tài trợ;
 - + Trường hợp Khách hàng là nhà thầu phụ: 70% dự nghĩa vụ được đảm bảo bằng tài sản là tiền ký quỹ tại MB, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng được MB chấp thuận phát hành, bất động sản, phương tiện vận tải theo đúng quy định của MB. Phần còn lại đảm bảo bằng Hàng hóa, Quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB tài trợ;
 - + Lĩnh vực sản xuất thương mại cột điện ly tâm: 100% dự nghĩa vụ đảm bảo bằng tài sản là tiền ký quỹ tại MB, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng được MB chấp thuận phát hành, bất động sản, phương tiện vận tải theo đúng quy định của MB.
- (v) Khoản vay dài hạn với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam theo hợp đồng vay sau:
- Hợp đồng thu xếp vốn số 03/2018/HĐTXV với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam ngày 23/11/2018: Mục đích vay: phục vụ thi công công trình; Lãi suất vay: 10%/năm; Thời hạn vay: 60 tháng; Hạn mức: 1.533.845.480 VND; Tài sản đảm bảo: hình thức tín chấp và toàn bộ các khoản phải thu từ các công trình của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đối với Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2022	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	3.237.346.211	18.987.814.921
Lãi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	266.841.114	266.841.114
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(222.558.871)	(222.558.871)
Tại ngày 30/06/2022	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	3.281.628.454	19.032.097.164
Lỗ trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	(237.794.817)	(237.794.817)
Tại ngày 01/01/2023	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	3.043.833.637	18.794.302.347
Lỗ trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	(396.544.700)	(396.544.700)
Tại ngày 30/06/2023	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	2.647.288.937	18.397.757.647

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	6.985.720.000	6.985.720.000
Các cổ đông khác	6.211.380.000	6.211.380.000
Cộng	13.197.100.000	13.197.100.000

4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu kỳ	13.197.100.000	13.197.100.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	13.197.100.000	13.197.100.000

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.319.710	1.319.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.319.710	1.319.710
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.319.710	1.319.710
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.319.710	1.319.710
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.319.710	1.319.710
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

4.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	(396.544.700)	266.841.114
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	(396.544.700)	266.841.114
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	1.319.710	1.319.710
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(300)	202

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.18.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	(396.544.700)	266.841.114
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(396.544.700)	266.841.114
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.319.710	1.319.710
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.319.710	1.319.710
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(300)	202

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01NQ/VNECO3-ĐHĐCĐ ngày 27/05/2023 đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, với số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 1.214.133 cổ phiếu, giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu và thời gian dự kiến phát hành trong quý 3/2023 đến quý 2/2024.

4.18.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2023 số 01NQ/VNECO3-ĐHĐCĐ ngày 27/05/2023 của Công ty đã thông qua kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại lũy kế đến 31/12/2022 với tỷ lệ chi trả là 8% vốn điều lệ. Ngày 28/06/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 2806/VE3/NQ-HĐQT về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 8%/vốn điều lệ, tổng số vốn dự kiến phát hành là 1.055.770.000 VND (tương đương 105.577 cổ phiếu) và thời gian dự kiến phát hành là quý 3/2023.

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	942,04	942,04

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	30.267.225.768	47.681.232.293
Doanh thu bán hàng	113.115.636	1.567.029.616
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.000.000	27.954.541
Cộng	30.426.341.404	49.276.216.450

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 8

15.054.883.834	6.734.238.198
----------------	---------------

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	27.134.251.333	44.672.466.838
Giá vốn của thành phẩm đã bán	102.850.644	1.378.024.737
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.766.245	22.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.813.793)
Cộng	27.247.868.222	46.070.677.782

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	22.194.221	13.599.720
Cộng	22.194.221	13.599.720

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	1.373.043.195	931.116.268
Cộng	1.373.043.195	931.116.268

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	860.796.972	1.002.725.348
Chi phí dụng cụ văn phòng	7.616.882	6.863.030
Chi phí khấu hao TSCĐ	144.527.755	93.625.823
Thuế, phí và lệ phí	134.264.205	50.517.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.022.350	116.927.710
Chi phí bằng tiền khác	719.995.754	564.766.479
Cộng	2.034.223.918	1.835.426.256

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạt vi phạm hành chính	12.873.893	4.246.494
Xử lý kiểm kê	28.456.588	-
Các khoản khác	4.378.262	5.659.680
Cộng	45.708.743	9.906.174

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.237.402.879	5.210.417.096
Chi phí công cụ, dụng cụ	132.534.512	284.365.749
Chi phí nhân công	3.243.417.371	3.947.095.324
Chi phí khấu hao tài sản cố định	430.716.624	436.119.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.279.805.498	28.015.112.618
Chi phí khác bằng tiền	1.100.707.702	1.166.803.256
Cộng	39.424.584.586	39.059.913.398

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	(252.308.453)	442.689.690
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	973.489.689	436.553.192
- <i>Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát không chuyên trách</i>	53.800.000	51.000.000
- <i>Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP</i>	878.359.208	375.647.018
- <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	41.330.481	9.906.174
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	721.181.236	879.242.882
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	144.236.247	175.848.576

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	21.890.060.390	13.336.364.643
Cộng	21.890.060.390	13.336.364.643

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	21.090.234.278	13.451.137.355
Cộng	21.090.234.278	13.451.137.355

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Bộ phận Sản xuất và Dịch vụ khác;
- Bộ phận Xây lắp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

	Bộ phận Sản xuất và dịch vụ khác		Bộ phận Xây lắp		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	159.115.636	1.594.984.157	30.267.225.768	47.681.232.293	30.426.341.404	49.276.216.450
Cộng	159.115.636	1.594.984.157	30.267.225.768	47.681.232.293	30.426.341.404	49.276.216.450
Chi phí kinh doanh						
Giá vốn hàng bán	113.616.889	1.398.210.944	27.134.251.333	44.672.466.838	27.247.868.222	46.070.677.782
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.638.046	59.409.508	2.023.585.872	1.776.016.748	2.034.223.918	1.835.426.256
Cộng	124.254.935	1.457.620.452	29.157.837.205	46.448.483.586	29.282.092.140	47.906.104.038
Kết quả hoạt động kinh doanh	34.860.701	137.363.705	1.109.388.563	1.232.748.707	1.144.249.264	1.370.112.412
Doanh thu tài chính					22.194.221	13.599.720
Chi phí tài chính					1.373.043.195	931.116.268
Thu nhập thuần khác					(45.708.743)	(9.906.174)
Lợi nhuận trước thuế					(252.308.453)	442.689.690
Chi phí thuế TNDN hiện hành					144.236.247	175.848.576
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					-	-
Lợi nhuận sau thuế					(396.544.700)	266.841.114

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Bộ phận Sản xuất và Dịch vụ khác		Bộ phận Xây lắp		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	461.116.335	2.290.253.790	87.714.272.224	94.916.736.915	88.175.388.559	97.206.990.705
Tài sản không phân bổ					-	-
Tổng tài sản					88.175.388.559	97.206.990.705

	Bộ phận Sản xuất và Dịch vụ khác		Bộ phận Xây lắp		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả của bộ phận	364.904.606	1.847.448.989	69.412.726.306	76.565.239.369	69.777.630.912	78.412.688.358
Nợ phải trả không phân bổ					-	-
Tổng nợ phải trả					69.777.630.912	78.412.688.358

	Bộ phận Sản xuất và Dịch vụ khác		Bộ phận Xây lắp		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí mua sắm tài sản bộ phận	-	-	-	85.000.000	-	85.000.000
Chi phí mua sắm tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Chi phí khấu hao bộ phận	2.252.448	14.116.414	428.464.176	422.002.941	430.716.624	436.119.355
Chi phí khấu hao không phân bổ					-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Công ty mẹ
2. Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	Công ty cùng chịu sự kiểm soát của các nhân sự chủ chốt của Công ty mẹ
3. Trần Đức Dũng	Quan hệ với nhân sự chủ chốt
4. HĐQT và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư phải thu, phải trả và vay với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2023 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023 VND</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	15.023.487.855	862.523.780
Cộng - Xem thêm mục 4.3	15.023.487.855	862.523.780
	<u>Tại ngày 30/06/2023 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023 VND</u>
Trả trước người bán ngắn hạn:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	802.161.649	802.161.649
Cộng - Xem thêm mục 4.4	802.161.649	802.161.649
	<u>Tại ngày 30/06/2023 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023 VND</u>
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	475.923.317	497.601.835
Phải trả người bán dài hạn:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	631.130.250	863.566.898
Cộng - Xem thêm mục 4.11	1.107.053.567	1.361.168.733
	<u>Tại ngày 30/06/2023 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023 VND</u>
Phải trả ngắn hạn khác:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	975.265.259	671.561.052
Cộng - Xem thêm mục 4.15	975.265.259	671.561.052

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Vay ngắn hạn:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
Trần Đức Dũng	-	1.613.530.216
Cộng - Xem thêm mục 4.17	1.000.000.000	2.613.530.216

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	15.054.883.834	6.734.238.198
Cộng - Xem thêm mục 5.1	15.054.883.834	6.734.238.198

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trần Đức Dũng:		
Nhận báo nợ gốc vay	-	1.500.000.000
Nhận báo lãi vay nhập gốc	-	38.836.000
Trả nợ gốc vay	1.500.000.000	-
Trả lãi vay nhập gốc	113.530.216	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam:		
Cần trừ công nợ	-	329.619.966
Nhận báo lãi vay	49.589.041	134.496.568
Nhận báo lãi chậm trả	62.988.138	84.907.527

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Đào Ngọc Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	2.500.000	-
Võ Thành Lương	Chủ tịch HĐQT	12.500.000	15.000.000
Trương Thường Thịnh	Thành viên HĐQT	2.000.000	-
Võ Hồng Cẩm Tú	Thành viên HĐQT	2.000.000	-
Bùi Quang Thành	Thành viên HĐQT	2.000.000	-
Đậu Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT	10.000.000	12.000.000
Trần Đức Thanh	Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Trần Thị Lương	Thành viên HĐQT	10.000.000	12.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	10.000.000	6.000.000
Văn Anh Hùng	Thành viên HĐQT	-	6.000.000
Nguyễn Thế Tam	Trưởng ban kiểm soát	2.000.000	-
Nguyễn Thế Hùng	Trưởng ban kiểm soát	10.000.000	12.000.000
Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên BKS	800.000	-
Nguyễn Thị Hồng Vinh	Thành viên BKS	4.800.000	4.800.000
Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	4.000.000	1.600.000
Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên BKS	-	3.200.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trần Đức Thanh	Giám đốc	84.689.000	94.437.000
Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc	49.723.000	11.522.000
Nguyễn Văn Tuấn	Phó Giám đốc	50.673.000	11.556.000
Nguyễn Thị Hồng Vinh	Thành viên BKS	30.319.000	26.182.000
Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	71.627.000	61.569.000

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2023/NQ/VNECO3-HĐQT ngày 08/08/2023 đã thống nhất họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 với nội dung như sau:

- Điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 của Công ty đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
- Điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Ngoài sự kiện trên, không có các sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trần Đức Thanh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2023

Bùi Đức Long
Kế toán trưởng

Bùi Đức Long
Người lập